

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 07/6/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bé.

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2807/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng góp hui; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Sa Q, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô Đ, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

Bà Kim Thị Sa R, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Ông Thạch S, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô T, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thạch Thị Sa Q trình bày:

Bà Kim Thị Sa R và ông Thạch S có làm đầu thảo nhiều dây hui. Việc chơi hui chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng thành văn bản, đầu thảo có giao danh sách hui cho từng hui viên để theo dõi, đối chiếu định kỳ khi khai hui. Theo thỏa thuận, hình thức lĩnh hui là thành viên trong dây hui bỏ thăm cao nhất thì hốt hui. Đầu thảo có trách nhiệm gom tiền của hui viên góp và giao tiền cho

hội viên được lĩnh hội; được hưởng huê hồng 900.000 đồng/lần khai hội (đối với hội 3.000.000 đồng); trường hợp hội viên không góp hội thì đầu thảo có nghĩa vụ choàng hội. Trong đó, chị có tham gia 14 dây hội, 3.000.000 đồng/phần, kỳ mở hội cùng ngày 05/02/2020, nửa tháng khai hội một lần, hội khai được 07 lần, đến lần thứ 08 thì đầu thảo tuyên bố úp hội, không tiếp tục khai. Sau đó, giữa chị với đầu thảo đã tự cân trừ xong 07 dây hội, còn 07 dây hội chưa giải quyết xong gồm: Dây 24, có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 7.380.000 đồng; dây 10, có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 6.850.000 đồng; dây 23, có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 7.330.000 đồng; dây 22, có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 7.240.000 đồng; dây 21, có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 7.260.000 đồng; dây 20, có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 7.210.000 đồng và dây 17, tổng cộng có 15 phần hội, chị tham gia 01 phần, chị đã góp hội sống được 07 lần bằng 7.250.000 đồng. Tổng số tiền mà chị đã đóng hội sống 07 dây hội trên bằng 50.520.000 đồng, sau đó giữa chị với bà Sa R tiếp tục cân trừ số tiền hội dây khác số tiền 6.830.000 đồng nên còn lại 43.690.000 đồng, đến nay các dây hội không tiếp tục khai nhưng bà Sa R và ông S không trả số tiền hội sống mà chị đã góp còn lại nêu trên.

Nay chị yêu cầu vợ chồng bà Sơn Thị Sa R và ông Thạch S phải trả số tiền hội sống mà chị đã góp còn lại của 07 dây hội nêu trên bằng 43.690.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Sơn Thị Sa R vắng mặt, trong quá trình tham gia tố tụng, bà Sa R trình bày:

Bà thừa nhận có tổ chức làm đầu thảo các dây hội nêu trên và có chị Sa Q tham gia chơi hội, góp hội sống như chị Sa Q trình bày. Do nhiều hội viên trong các dây hội không góp hội chết đầy đủ nên bà không còn khả năng choàng hội và tuyên bố úp hội.

Nay bà đồng ý trả cho chị Sa Q số tiền còn nợ của 07 dây hội nêu trên bằng 43.690.000 đồng. Bà thừa nhận chồng bà là ông S có biết việc chơi hội nhưng ông S không rõ nội dung cụ thể việc chơi hội; bà không có sử dụng tiền chơi hội cho sinh hoạt gia đình nên không đồng ý yêu cầu của bà Sa Q về việc buộc ông S cùng có trách nhiệm trả nợ với bà.

Bị đơn ông Thạch S vắng mặt, ông không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa Q.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bà Sa R và ông S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Trong quá trình hòa giải bà Sa R thừa nhận còn nợ tiền hội sống, bà đồng ý trả cho chị Sa Q số tiền 43.690.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Đối với việc chị Sa Q yêu cầu ông S chồng bà Sa R cùng trả nợ, căn cứ kết quả Tòa án xác minh tại địa phương thể hiện ông S có biết việc bà Sa R tổ chức chơi hội, hiện ông đang sống chung nhà. Do đó việc chị Sa Q yêu cầu ông S cùng bà Sa R trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Sa Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Thạch S có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Sa Q số tiền nợ hội sống bằng 43.690.000 đồng; do chị Sa Q không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét.

Buộc bà Sa R và ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những nội dung các đương sự đã thỏa thuận được:

Bà Sa R thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền hội sống mà chị Sa Q đã đóng bằng 43.690.000 đồng, chị Sa Q không yêu cầu tính lãi.

Những nội dung các đương sự không thỏa thuận được:

Chị Sa Q yêu cầu ông Thạch S chồng bà Sa R có trách nhiệm cùng với bà Sa R trả số tiền còn nợ hội nhưng bà Sa R không đồng ý và ông S vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu này của chị Sa Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị Sa R và ông Thạch S vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Thạch Thị Sa Q khởi kiện, chỉ cho rằng bà Sơn Thị Sa R và ông Thạch S có làm đầu thảo hội và chị có tham gia 14 dây hội, loại hội 3.000.000 đồng, nửa tháng khai một lần, mỗi dây hội chị tham gia một phần, kỳ mở hội đầu tiên cùng ngày 05/02/2020. Sau đó giữa chị với bà Sa R tự cản trở bên ngoài, hiện còn 07 dây hội, chị đã đóng góp sống của 07 dây hội nêu trên cho bà Sa R bằng 43.690.000 đồng. Nay chị Sa Q yêu cầu bà Sa R và ông S trả số tiền này.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Sơn Thị Sa R thừa nhận có làm đầu thảo hội, thừa nhận việc chị Sa Q có tham gia chơi hội và góp hội sống như chị Sa Q khởi kiện; bà thống nhất trả cho chị Sa Q số tiền đã góp hội sống bằng 43.690.000 đồng nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của chị Sa Q về việc buộc ông Thạch S chồng bà Sa R cùng trả nợ: Trong quá trình hòa giải, bà Sa R không đồng ý với yêu cầu này của chị Sa

Q. Đối với ông S vắng mặt tại phiên tòa, ông không có văn bản nêu ý kiến. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản xác minh (BL 180) cũng thể hiện bà Sa R mở hội và khai hội tại nhà, ông S cũng ở nhà, trước đây tổ chức chơi hội với mục đích sử dụng cho gia đình, hiện bà Sa R và ông S vẫn sống chung nhà; việc bà Sa R làm đầu thảo và tổ chức khai hội tại nhà ở địa phương ai cũng biết. Do đó, việc chị Sa Q yêu cầu ông S cùng với bà Sa R trả nợ hội là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Xét thấy ông S thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà Sa R và ông S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Sa Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa Q.

Buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Thạch S có nghĩa vụ trả cho chị Thạch Thị Sa Q số tiền nợ hội sống đã góp bằng 43.690.000 (bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi) đồng; chị Sa Q không yêu cầu tính lãi nên không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Thạch S phải chịu 2.184.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị Sa Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Sa Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.675.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0001820, 0001821, 0001822, 0001823, 0001824, 0001825 và 0001826, ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm